UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44../2007/QĐ-UBND	*Biên Hòa, ngày 12 tháng 07 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 144/2005/NĐ-CP ngày 16/11/2005 của Chính phủ về công tác phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong xây dựng và kiểm tra việc thực hiện chính sách chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn giúp việc UBND tỉnh quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công nghiệp tại Tờ trình số 560 /TTr-SCN ngày 29/06/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công nghiệp, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ao Văn Thinh

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Công nghiệp;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công Báo;
- Chánh, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT-TH.

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2007/QĐ-UBND ngày 12/7/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức và trách nhiệm phối hợp quản lý nhà nước của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Ban quản lý các Khu Công nghiệp, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (gọi tắt là UBND cấp huyện) trong việc tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Nội dung quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của UBND tỉnh bao gồm những nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh theo quy định tại Điều 84, Luật về tổ chức HĐND và UBND năm 2003 và Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản".

2. Đề án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (gọi chung là đề án phát triển công nghiệp) là tên gọi chung của các quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đề án phát triển làng nghề truyền thống thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai.

3. Quy hoạch phát triển công nghiệp là việc luận chứng, lựa chọn phương án phát triển và phân bố ngành công nghiệp hợp lý cho một thời kỳ nhất định.

4. Các loại quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai gồm quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh; quy hoạch phát triển các chuyên ngành công nghiệp; quy hoạch phát triển công nghiệp huyện; quy hoạch phát triển khu, cụm, điểm công nghiệp; quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Bản quy hoạch phát triển công nghiệp là sản phẩm của quá trình lập quy hoạch, thể hiện thực trạng, quan điểm mục tiêu, định hướng phát triển và phân bố công nghiệp theo ngành, theo vùng lãnh thổ, đề xuất các giải pháp, cơ chế chính sách cũng như việc tổ chức thực hiện.

6. Quản lý công tác quy hoạch phát triển công nghiệp là toàn bộ hoạt động bao gồm: lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, điều chỉnh, phối hợp thực hiện các quy hoạch phát triển công nghiệp.

7. Cơ quan chủ trì là cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các đề án phát triển công nghiệp.

8. Cơ quan phối hợp là cơ quan có liên quan đến chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì trong quá trình xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các đề án phát triển công nghiệp.

Điều 3. Yêu cầu đối với công tác phối hợp

Công tác phối hợp giữa các cơ quan nhà nước giúp UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan; đảm bảo phối hợp nhịp nhàng, không trùng lắp nhiệm vụ giữa các cơ quan; và đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

Công tác phối hợp giữa các cơ quan giúp UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc sau:

1) Nội dung phối hợp phải liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tham gia phối hợp;

2) Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phối hợp;

3) Bảo đảm yêu cầu chuyên môn, chất lượng và thời hạn phối hợp;

4) Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động phối hợp; đề cao trách nhiệm cá nhân của thủ trưởng cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và cán bộ, công chức tham gia phối hợp, đồng thời hoạt động phối hợp của các cá nhân không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của cơ quan phối hợp liên quan.

Điều 5. Cơ quan chủ trì giúp UBND tỉnh thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

1. Sở Công nghiệp có trách nhiệm:

a) Trình UBND tỉnh ban hành các quyết định, chỉ thị về quản lý các hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

b) Trình Bộ Công nghiệp thỏa thuận để UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp cả nước, quy hoạch phát triển công nghiệp theo vùng lãnh thổ và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Giúp UBND tỉnh tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp đã được phê duyệt (gọi tắt là đề án); tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về các hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở địa phương.

d) Đề xuất những cơ chế chính sách ưu đãi riêng phù hợp với điều kiện của địa phương để thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào phát triển công nghiệp trên địa bàn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư trong nội dung quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu chế xuất có trách nhiệm:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các ngành địa phương liên quan, tổng hợp tham mưu cho UBND tỉnh quyết định về quy hoạch, kế hoạch phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp và các mô hình khu kinh tế tương tự khác được Chính phủ cho phép.

b) Thẩm định báo cáo UBND tỉnh trình Chính phủ phê duyệt việc thành lập các khu công nghiệp, khu chế xuất. Hướng dẫn triển khai quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất đã được phê duyệt.

c) Phối hợp với Ban quản lý các khu công nghiệp hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp báo cáo tình hình đầu tư phát triển và hoạt động của các khu công nghiệp, khu chế xuất; đề xuất mô hình và cơ chế quản lý đối với các khu công nghiệp và khu chế xuất.

3. Ban Quản lý các khu công nghiệp trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất có trách nhiệm:

a) Xây dựng điều lệ quản lý các khu công nghiệp trên cơ sở Điều lệ mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành trình UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt.

b) Tổ chức xây dựng và quản lý thực hiện quy hoạch chi tiết, tiến độ xây dựng, phát triển khu công nghiệp bao gồm: quy hoạch phát triển công trình kết cấu hạ tầng, quy hoạch bố trí ngành nghề; tham gia phát triển công trình kết cấu hạ tầng ngoài khu công nghiệp liên quan và khu dân cư phục vụ cho người lao động tại khu công nghiệp.

c) Đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng trong và ngoài khu công nghiệp liên quan để bảo đảm việc xây dựng và đưa vào hoạt động đồng bộ theo đúng quy hoạch và tiến độ được duyệt.

Điều 6. Cơ quan và nội dung phối hợp quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

1. Sở Kế hoạch - Đầu tư: Phối hợp với cơ quan chủ trì về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và dài hạn; quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh; tình hình thu hút các dự án đầu tư công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để làm cơ sở xây dựng quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trong từng thời kỳ.

2. Ban quản lý khu công nghiệp: Phối hợp với cơ quan chủ trì về quy hoạch chi tiết, phát triển kết cấu hạ tầng và quy hoạch bố trí ngành nghề tại các các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh; phối hợp đề xuất cơ chế chính sách phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Công nghiệp: Phối hợp với cơ quan chủ trì về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, bao gồm các ngành cơ khí, luyện kim, hóa chất (bao gồm cả hóa dược), điện, vật liệu nổ công nghiệp, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp chế biến khác; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc ngành công nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với cơ quan chủ trì về ngành công nghiệp thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh; phối hợp đề xuất cơ chế chính sách phát triển ngành công nghiệp khai thác khoáng sản của tỉnh.

5. Sở Xây dựng: Phối hợp với cơ quan chủ trì về ngành công nghiệp vật liệu xây dựng; phối hợp đề xuất cơ chế chính sách phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng của tỉnh.

6. Sở Bưu chính - Viễn thông: Phối hợp với cơ quan chủ trì trong lĩnh vực phát triển công nghiệp công nghệ thông tin (công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm, công nghiệp điện tử); phối hợp đề xuất cơ chế chính sách phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin của tỉnh.

7. Sở Khoa học – Công nghệ: Phối hợp với cơ quan chủ trì trong lĩnh vực khoa học công nghệ về đánh giá trình độ công nghệ của các doanh nghiệp công nghiệp; phối hợp đề xuất các cơ chế chính sách phát triển khoa học nghệ trong ngành công nghiệp của tỉnh.

8. Sở Thương mại và Du lịch: Phối hợp với cơ quan chủ trì trong lĩnh vực đề xuất các cơ chế chính sách về xúc tiến thương mại, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với cơ quan chủ trì trong việc đề xuất các cơ chế chính sách phát triển các vùng nguyên liệu nông sản cung cấp cho ngành công nghiệp chế biến nông sản của tỉnh.

10. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Phối hợp với cơ quan chủ trì trong việc đề xuất các cơ chế chính sách phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp trên địa bàn.

11. Sở Tài chính: Phối hợp với cơ quan chủ trì trong lĩnh vực phân bổ kinh phí hàng năm để thực hiện cơ chế chính sách phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp đề xuất các cơ chế chính sách về tài chính để thực hiện đề án phát triển công nghiệp trên địa bàn; cấp kinh phí để xây dựng, tổ chức và kiểm tra thực hiện đề án.

12. Sở Giao thông vận tải: Phối hợp với cơ quan chủ trì trong lĩnh vực phát triển giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh có liên quan đến đề án phát triển công nghiệp.

13. Cục Thống kê Đồng Nai: Phối hợp cung cấp các thông tin số liệu theo biểu mẫu của cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng, tổ chức và kiểm tra thực hiện đề án phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

14. Các Sở ban ngành khác có liên quan: Phối hợp trong cung cấp các thông tin liên quan khác liên quan đến quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong từng thời kỳ.

15. UBND cấp huyện: Phối hợp với cơ quan chủ trì về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; Lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp thông qua các Sở ngành để trình UBND tỉnh phê duyệt, tổ chức quản lý đầu tư cụm công nghiệp theo quy hoạch được duyệt; Thực hiện tốt các mặt an ninh trật tự, an toàn xã hội, môi trường, phòng cháy chữa cháy, trật tự xây dựng trong và ngoài cụm công nghiệp.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ, công chức được cử tham gia phối hợp

1. Thực hiện các nhiệm vụ được phân công; chấp hành kế hoạch công tác phối hợp của cơ quan chủ trì;

2. Thường xuyên báo cáo thủ trưởng cơ quan về công tác phối hợp của mình; chủ động đề xuất ý kiến tham gia, xin ý kiến thủ trưởng cơ quan khi cần thiết; tuân thủ sự chỉ đạo của thủ trưởng cơ quan để phát biểu ý kiến về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan;

3. Bảo lưu quan điểm khi ý kiến của mình khác với ý kiến của cơ quan chủ trì hoặc khác với ý kiến của Ban soạn thảo đề án hoặc tổ biên tập, đoàn kiểm tra;

4. Được thủ trưởng cơ quan tạo điều kiện về thời gian để hoàn thành các nhiệm vụ phối hợp;

5. Được khen thưởng khi hoàn thành tốt nhiệm vụ phối hợp và chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi không hoàn thành nhiệm vụ phối hợp.

Chương II
PHỐI HỢP XÂY DỰNG, TỔ CHỨC VÀ KIỂM TRA THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

Điều 8. Phương thức phối hợp trong việc xây dựng, tổ chức và kiểm tra thực hiện các đề án phát triển công nghiệp

Tuỳ theo tính chất, nội dung của công tác quản lý nhà nước, cơ quan chủ trì quyết định việc áp dụng các phương thức phối hợp sau đây:

1. Lấy ý kiến bằng văn bản;

2. Tổ chức họp;

3. Khảo sát, điều tra;

4. Lập tổ chức phối hợp liên cơ quan (ban chỉ đạo, tổ chuyên viên) để triển khai thực hiện đề án;

5. Cung cấp thông tin về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp theo định kỳ tháng, quý, năm.

6. Sơ kết, tổng kết hàng năm.

Mục 1
PHỐI HỢP XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng các đề án phát triển công nghiệp

1. Lập kế hoạch xây dựng các đề án phát triển công nghiệp, trong đó xác định nhiệm vụ của từng cơ quan phối hợp;

2. Tổ chức các hoạt động phối hợp theo kế hoạch xây dựng các đề án phát triển công nghiệp;

3. Yêu cầu cơ quan phối hợp cử cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu tham gia công tác phối hợp; thông báo cho cơ quan phối hợp về tình hình tham gia của cán bộ, công chức được cử tham gia phối hợp; duy trì mối liên hệ với các cơ quan phối hợp và đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ phối hợp đã được phân công của các cơ quan đó;

4. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp và các điều kiện bảo đảm khác cho công tác phối hợp;

5. Tập hợp đầy đủ và tổ chức nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các cơ quan phối hợp; báo cáo UBND tỉnh về vấn đề còn có ý kiến khác nhau;

6. Trình đề án; đề xuất phương án cuối cùng đối với vấn đề còn có ý kiến khác nhau và giải thích lý do không tiếp thu ý kiến của cơ quan phối hợp;

7. Lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật;

8. Báo cáo và giải trình với UBND tỉnh về tình hình phối hợp xây dựng đề án theo quy định của Quy chế này.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan phối hợp xây dựng đề án phát triển công nghiệp

1. Tham gia các hoạt động phối hợp theo kế hoạch xây dựng đề án; từ chối phối hợp nếu nội dung phối hợp không phù hợp với quy định tại Điều 3 Quy chế này;

2. Cử cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu tham gia công tác phối hợp; tạo điều kiện về thời gian cho cán bộ, công chức tham gia phối hợp;

3. Cho ý kiến kịp thời về vấn đề mà cán bộ, công chức được cử phối hợp báo cáo; được quyền bảo lưu ý kiến;

4. Tuân thủ thời hạn góp ý kiến về những vấn đề theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm về chất lượng và tính nhất quán của các ý kiến trong các hoạt động phối hợp của cơ quan mình;

5. Cung cấp thông tin, số liệu và chịu trách nhiệm về sự chính xác của thông tin đó;

6. Yêu cầu cơ quan chủ trì cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết phục vụ cho công tác phối hợp;

7. Đề nghị cơ quan chủ trì điều chỉnh thời gian phối hợp để bảo đảm chất lượng công tác phối hợp; nếu cơ quan chủ trì không chấp thuận vì lý do bảo đảm tiến độ thì phải tuân thủ;

8. Báo cáo UBND tỉnh khi cơ quan chủ trì không mời tham gia các hoạt động phối hợp; giải trình với cơ quan có thẩm quyền về tình hình phối hợp theo quy định của Quy chế này.

Điều 11. Phối hợp trong khảo sát, điều tra

Trường hợp cần phối hợp trong khảo sát, điều tra thì công tác phối hợp được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Đối với việc phối hợp khảo sát

a) Chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành khảo sát, cơ quan được giao chủ trì xây dựng đề án (gọi tắt là cơ quan chủ trì đề án) sẽ có công văn đề nghị cơ quan phối hợp tham gia khảo sát, trong đó xác định rõ thời gian, địa điểm, nội dung khảo sát, yêu cầu về số lượng, chức vụ, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác của người tham gia và điều kiện khác (nếu có).

b) Chậm nhất là 03 ngày trước ngày tiến hành khảo sát, cơ quan phối hợp phải có công văn trả lời cơ quan chủ trì đề án về việc cử người tham gia khảo sát, kể cả trường hợp từ chối tham gia khảo sát nếu việc phối hợp không phù hợp với quy định Điều 3 Quy chế này.

c) Chậm nhất là 07 ngày trước ngày tiến hành khảo sát, cơ quan chủ trì đề án sẽ có công văn gửi cơ quan dự kiến khảo sát, trong đó xác định rõ thời gian, địa điểm, nội dung khảo sát và thành phần làm việc.

2. Phối hợp trong xây dựng phiếu điều tra

a) Cơ quan chủ trì đề án xây dựng dự thảo phiếu điều tra và quyết định việc lấy ý kiến của cơ quan phối hợp. Cơ quan phối hợp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản hoặc góp ý bằng các hình thức khác theo yêu cầu của cơ quan chủ trì. Trường hợp cơ quan chủ trì đề án yêu cầu, cơ quan phối hợp có trách nhiệm tham gia xây dựng dự thảo phiếu điều tra.

b) Việc phối hợp trong xây dựng, lấy ý kiến về dự thảo phiếu điều tra được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

3. Phối hợp trong lấy ý kiến điều tra

Cơ quan chủ trì đề án gửi phiếu điều tra đến cơ quan được khảo sát để lấy ý kiến. Thời gian dành cho việc trả lời phiếu điều tra ít nhất là 05 ngày làm việc, kể từ khi cơ quan được khảo sát nhận được phiếu điều tra. Cơ quan được khảo sát có trách nhiệm trả lời đúng thời hạn theo yêu cầu của cơ quan gửi phiếu điều tra.

Điều 12. Phối hợp trong soạn thảo đề án phát triển công nghiệp

Trong trường hợp Ban soạn thảo đề án (sau đây gọi tắt là Ban Soạn thảo) được thành lập thì việc phối hợp được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Ban soạn thảo hoạt động theo kế hoạch công tác do cơ quan chủ trì quyết định, trong đó xác định trách nhiệm của từng thành viên, thời hạn và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của từng thành viên.

2. Các thành viên Ban soạn thảo phải tuân thủ kế hoạch công tác của Ban; tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban theo sự điều hành của cơ quan chủ trì. Trong trường hợp không thể tham gia hoạt động của Ban vì lý do chính đáng, thành viên của Ban báo cáo để Thủ trưởng cơ quan cử người thay thế. Ý kiến của thành viên Ban soạn thảo và người được cử thay thế là ý kiến chính thức của cơ quan phối hợp.

Điều 13. Phối hợp trong hoạt động của tổ biên tập

1. Bộ phận giúp việc của Ban soạn thảo là tổ biên tập hoặc tổ chuyên viên hoặc tiểu ban (sau đây gọi chung là tổ biên tập).

Trường hợp cần thành lập tổ biên tập, cơ quan chủ trì gửi công văn đề nghị các cơ quan phối hợp cử cán bộ, công chức tham gia tổ biên tập; trong công văn phải xác định rõ yêu cầu về số lượng, chức vụ, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác của người tham gia và điều kiện khác (nếu có) để tham gia tổ biên tập.

2. Bộ phận thường trực của tổ biên tập có trách nhiệm ghi biên bản mỗi cuộc họp của ban soạn thảo và tổ biên tập; gửi biên bản đã có chữ ký xác nhận nội dung của người chủ trì cuộc họp cho các thành viên của tổ; giữ mối liên hệ giữa các thành viên.

Việc phối hợp giữa các thành viên tổ biên tập được thực hiện theo kế hoạch công tác và sự điều hành của thủ trưởng cơ quan chủ trì.

Điều 14. Phối hợp trong việc lấy ý kiến bằng văn bản

1. Cơ quan chủ trì đề án có thể lấy ý kiến thông qua việc gửi hồ sơ đề án đến cơ quan phối hợp hoặc lấy ý kiến qua mạng tin học diện rộng của UBND tỉnh.

2. Cơ quan chủ trì đề án gửi hồ sơ đề án công nghiệp cho cơ quan phối hợp và phải xác định những nội dung cần xin ý kiến đối với từng cơ quan phối hợp căn cứ vào nhiệm vụ phối hợp đã được nêu trong kế hoạch xây dựng đề án. Tuỳ theo nội dung, tính chất của đề án, cơ quan chủ trì đề án có thể yêu cầu cơ quan phối hợp sửa trực tiếp vào đề án, gửi công văn góp ý hay cách thức thích hợp khác. Tùy theo từng đề án, cơ quan chủ trì sẽ quy định thời gian góp ý, tuy nhiên, thời gian dành cho việc góp ý ít nhất là 05 ngày làm việc, kể từ khi cơ quan phối hợp nhận được hồ sơ đề án.

3. Cơ quan phối hợp phải chấp hành thời hạn tham gia ý kiến theo đề nghị của cơ quan chủ trì đề án theo quy định tại khoản 2 Điều này và chịu trách nhiệm về ý kiến của mình về những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan; nếu đồng ý với đề án thì cũng phải trả lời bằng văn bản. Nếu quá thời hạn quy định mà cơ quan được hỏi không có ý kiến thì cơ quan chủ trì đề án thông báo để Văn phòng UBND tỉnh báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Trường hợp cơ quan chủ trì đề án không tiếp thu ý kiến của cơ quan phối hợp thì phải giải thích lý do, thông báo cho cơ quan đó và chịu trách nhiệm về phương án của mình.

Điều 15. Phối hợp trong việc lấy ý kiến tại cuộc họp

1. Cơ quan chủ trì đề án có quyền tổ chức họp một hoặc nhiều lần để thảo luận trực tiếp hoặc các hình thức khác để lấy ý kiến về đề án.

2. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp, cơ quan chủ trì đề án gửi cơ quan phối hợp những văn bản sau đây:

a) Hồ sơ, tài liệu có liên quan và các vấn đề cần xin ý kiến về đề án;

b) Công văn mời họp, trong đó xác định thời gian, địa điểm, nội dung chính của cuộc họp và thành phần tham dự.

3. Thủ trưởng cơ quan phối hợp phải cử cán bộ, công chức tham gia theo đúng thành phần và yêu cầu của cơ quan chủ trì đề án, chỉ đạo cán bộ, công chức tham gia họp phát biểu về vấn đề theo yêu cầu bằng văn bản của cơ

quan chủ trì. Cơ quan được mời họp có quyền từ chối tham gia họp nếu việc gửi công văn, tài liệu không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều này. Lý do từ chối tham gia họp phải được thể hiện bằng văn bản và phải được gửi đến cơ quan chủ trì trước cuộc họp.

4. Nội dung họp phải được cơ quan chủ trì đề án ghi thành biên bản, lưu hồ sơ và do Chủ tọa ký xác nhận, trong đó ghi rõ cơ quan không tham gia họp hoặc không chuẩn bị nội dung đã được yêu cầu phát biểu. Cơ quan chủ trì đề án gửi biên bản đó cho các cơ quan phối hợp.

Mục 2
PHỐI HỢP TỔ CHỨC VÀ KIỂM TRA THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức và kiểm tra thực hiện các đề án phát triển công nghiệp

1. Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện, trong đó xác định thời gian, nội dung công việc, trách nhiệm của từng cơ quan phối hợp; gửi kế hoạch cho các cơ quan phối hợp và cơ quan theo dõi công tác phối hợp theo thẩm quyền;

2. Tổ chức các hoạt động phối hợp theo kế hoạch triển khai thực hiện đề án; thực hiện trách nhiệm và quyền hạn quy định tại các điểm 3, 4, 7 tại Điều 9;

3. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện đề án phát triển công nghiệp theo định kỳ; chịu trách nhiệm về tiến độ thực hiện đề án và tính chính xác của báo cáo kết quả thực hiện.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan phối hợp tổ chức và kiểm tra thực hiện đề án phát triển công nghiệp

1. Tham gia các hoạt động phối hợp theo kế hoạch tổ chức thực hiện đã được phê duyệt; từ chối phối hợp nếu nội dung phối hợp không phù hợp với quy định tại Điều 3 Quy chế này;

2. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn quy định tại các điểm 2, 3, 5, 6, 7, 8 tại Điều 10.

Điều 18. Phối hợp trong việc tuyên truyền, phổ biến các đề án phát triển công nghiệp sau khi đề án được duyệt

Cơ quan chủ trì đề án cùng các cơ quan phối hợp có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến đề án sau khi được duyệt đến các cơ quan, doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan đến việc thực hiện đề án.

Điều 19. Phối hợp trong việc chỉ đạo tổ chức thực hiện các đề án phát triển công nghiệp

Trong trường hợp UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ Chuyên viên giúp việc để giúp UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện đề án thì cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì và cơ quan phối hợp có trách nhiệm cử người tham gia Ban Chỉ đạo và Tổ Chuyên viên. Các cá nhân tham gia Ban Chỉ đạo và Tổ chuyên viên có trách nhiệm quyền hạn theo Điều 7 của Quy chế này.

Điều 20. Báo cáo kết quả thực hiện đề án phát triển công nghiệp

Cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức và kiểm tra thực hiện đề án có trách nhiệm báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề án cho UBND tỉnh. Các cơ quan phối hợp có trách nhiệm cung cấp thông tin kết quả thực hiện đề án trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao (quy định tại Điều 6 Quy chế này) cho cơ quan chủ trì để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo định kỳ.

Điều 21. Điều chỉnh nội dung các đề án phát triển công nghiệp

Trong quá trình thực hiện đề án, nếu có phát sinh thực tế không phù hợp với nội dung đề án được phê duyệt, các cơ quan phối hợp tổ chức và kiểm tra thực hiện đề án có trách nhiệm phối hợp kịp thời với cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì để điều chỉnh những thay đổi trong quá trình thực hiện đề án trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh.

Điều 22. Họp sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện đề án

Cơ quan chủ trì đề án thực hiện tổ chức họp sơ kết tình hình thực hiện các đề án phát triển công nghiệp theo định kỳ hàng năm và họp tổng kết đề án khi kết thúc thời gian thực hiện đề án. Các cơ quan phối hợp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì đề án báo cáo tình hình thực hiện đề án theo phạm vi nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao.

Cơ quan chủ trì đề án gửi dự thảo báo cáo về kết quả thực hiện đề án phát triển công nghiệp cho các cơ quan phối hợp để lấy ý kiến. Cơ quan phối hợp có ý kiến trả lời trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan phối hợp nhận được văn bản. Sau khi đã có ý kiến của các cơ quan phối hợp, cơ quan chủ trì hoàn chỉnh báo cáo trình UBND tỉnh.

Điều 23. Phối hợp kiểm tra thực hiện đề án

Việc kiểm tra tình hình thực hiện các đề án phát triển công nghiệp được thực hiện khi có quyết định của UBND tỉnh tại thời điểm cụ thể. Các cơ quan phối hợp kiểm tra thực hiện đề án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì giúp UBND tỉnh tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện đề án.

Chương III
PHỐI HỢP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP, CÁC KHU CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 24. Phối hợp quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp công nghiệp khu vực ngoài quốc doanh

Quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp công nghiệp ngoài quốc doanh được thực hiện theo Quy chế quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh có vốn đầu tư trong nước, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể. Các Sở Ban ngành, UBND cấp huyện, xã thuộc tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện quy chế này.

Điều 25. Phối hợp quản lý nhà nước đối với các khu cụm công nghiệp và các doanh nghiệp trong các khu cụm công nghiệp trên địa bàn

Quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất được thực hiện theo Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp được thực hiện theo Quy định tạm thời về tổ chức quản lý cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Chương IV
ĐÔN ĐỐC, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

Điều 26. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì theo quy chế này

Thủ trưởng các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nhiệm vụ được giao và có trách nhiệm cụ thể sau đây:

1. Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ được giao;

2. Yêu cầu các Sở ban ngành thuộc UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp công tác;

3. Thông báo về Văn phòng UBND tỉnh những cơ quan phối hợp không thực hiện trách nhiệm phối hợp theo yêu cầu.

Điều 27. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan thực hiện công tác phối hợp theo quy chế này

Thủ trưởng các cơ quan thực hiện công tác phối hợp chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động phối hợp của cơ quan mình

và có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện công tác phối hợp.

Điều 28. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều phối hoạt động phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân, duy trì kỷ luật, kỷ cương hành chính trong công tác phối hợp, có trách nhiệm cụ thể sau đây:

1. Làm đầu mối liên hệ với các cơ quan khác để thực hiện nhiệm vụ phối hợp; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị.

2. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị.

3. Giúp Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức kiểm điểm định kỳ hàng năm về công tác phối hợp;

4. Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về việc thực hiện trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị.

5. Theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, Chánh Văn phòng UBND tỉnh chủ trì họp với các Sở ban ngành để tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong công tác phối hợp.

Chương V
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỐI HỢP

Điều 29. Bảo đảm kinh phí

Kinh phí phối hợp xây dựng đề án phát triển công nghiệp được tính vào dự toán kinh phí xây dựng đề án của cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng đề án.

Kinh phí tổ chức và kiểm tra thực hiện đề án phát triển công nghiệp: dựa trên kế hoạch tổ chức thực hiện hàng năm được duyệt, cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì lập dự toán kinh phí để thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch.

Các kinh phí thực hiện công tác phối hợp quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khác thuộc kinh phí hoạt động thường xuyên của các đơn vị.

Các kinh phí đột xuất để thực hiện vụ phối hợp quản lý nhà nước về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn sẽ do UBND tỉnh quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 30. Bảo đảm về thông tin

1. Cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp có trách nhiệm đáp ứng yêu cầu về việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phối hợp theo các quy định của quy chế này.

2. Thủ trưởng cơ quan chủ trì chỉ đạo việc chuẩn bị hồ sơ trình văn bản. Hồ sơ phải có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan phối hợp hoặc tập hợp ý kiến của các cơ quan đó. Các ý kiến khác với cơ quan chủ trì phải được tập hợp đầy đủ trong hồ sơ trình văn bản.

Điều 31. Bảo đảm về thời gian

Cơ quan chủ trì phải bảo đảm điều kiện về thời gian theo các quy định trong Quy chế này để các cơ quan phối hợp thực hiện nhiệm vụ phối hợp.

Thủ trưởng cơ quan phối hợp có trách nhiệm tạo điều kiện về thời gian để cán bộ, công chức được phân công thực hiện nhiệm vụ phối hợp quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Chương VI
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 32. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác phối hợp, hoàn thành nhiệm vụ được giao được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 33. Xử lý vi phạm

1. Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phê bình người đứng đầu cơ quan chủ trì hoặc cơ quan phối hợp nếu trong hoạt động phối hợp để xảy ra vi phạm sau đây:

a) Cơ quan chủ trì không thực hiện đúng quy định về việc gửi hồ sơ hoặc vi phạm thời hạn phối hợp theo quy định của Quy chế này đến lần thứ ba;

b) Cơ quan phối hợp vi phạm thời hạn phối hợp theo Quy chế này đến lần thứ ba; không trả lời khi được hỏi ý kiến hoặc được yêu cầu cung cấp thông tin đến lần thứ ba; không tham gia họp đến lần thứ ba;

c) Cơ quan có trách nhiệm phối hợp theo nguyên tắc quy định tại Điều 4 Quy chế này từ chối cử cán bộ, công chức tham gia;

d) Cơ quan chủ trì hoặc cơ quan phối hợp không chấp hành chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này đến lần thứ ba.

Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh ra thông báo về việc Chủ tịch UBND tỉnh phê bình về vi phạm trong hoạt động phối hợp. Thông báo được gửi tới các cơ quan có liên quan.

2. Trường hợp cán bộ, công chức được cử tham gia phối hợp không hoàn thành trách nhiệm phối hợp thì cơ quan chủ trì ra thông báo gửi cơ quan quản lý cán bộ, công chức đó.

3. Nếu trong một năm, cán bộ, công chức được cử tham gia phối hợp xây dựng, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện đề án bị cơ quan chủ trì thông báo về việc không hoàn thành trách nhiệm phối hợp thì cán bộ, công chức đó không được xét khen thưởng trong năm đó.

4. Trong một năm, nếu người đứng đầu cơ quan thuộc UBND tỉnh ba lần bị Chủ tịch UBND tỉnh phê bình theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì Chánh Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh áp dụng hình thức kỷ luật đối với người đó theo pháp luật về cán bộ, công chức.

5. Trong một năm, nếu một cán bộ, công chức ba lần bị cơ quan chủ trì ra thông báo theo quy định tại khoản 2 Điều này, thì cán bộ, công chức đó bị cơ quan quản lý xem xét, xử lý kỷ luật theo pháp luật về cán bộ, công chức.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

Các Sở Ban ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hoà chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ao Văn Thinh